

NỘI DUNG ÔN TẬP CHĂM SÓC BÀ MẸ TRONG ĐẼ

- Câu 1 :** Trường hợp ngôi đầu, sờ thấy cảm ở vị trí 12h, được chẩn đoán là:
- A.** Cảm chậu trái ngang **B.** Ngôi mặt, cảm vệ
C. Cảm chậu phải ngang **D.** Ngôi mặt, Cảm cùng
- Câu 2 :** Để phòng bệnh chấn thương đường sinh dục trong cuộc đẻ cần:
- A.** Chủ động cắt tầng sinh môn **B.** Đỡ đẻ đúng lúc, đúng kỹ thuật
C. Thông tiểu trước khi làm thủ thuật **D.** Tất cả 3 ý trên đều đúng
- Câu 3 :** Trong đa ối, có chỉ định chọc rút bớt nước ối khi có triệu chứng nào?
- A.** Khi thai phụ bị khó thở nhiều **B.** Bề cao tử cung trên 35cm
C. Khi tim thai không nghe rõ **D.** Khi có dấu hiệu sóng vỡ
- Câu 4 :** Dấu hiệu đầu tiên phát hiện chảy máu sau đẻ là:
- A.** Mạch nhanh **B.** Có máu cục và máu loãng chảy ra từ âm đạo
C. Tử cung không có khối cầu an toàn **D.** Huyết áp tuột
- Câu 5 :** Trong thì sổ, đường kính lọt của ngôi thai phải trùng với đường kính nào của eo dưới khung chậu mẹ:
- A.** Trước sau **B.** Lưỡng ụ đùi
C. Ngang **D.** Chéo
- Câu 6 :** Ngay sau sanh màu da tím tái toàn thân hoặc trắng thì:
- A.** Trẻ đạt 2 điểm **B.** Trẻ đạt 4 điểm
C. Trẻ đạt 0 điểm **D.** Trẻ đạt 6 điểm
- Câu 7 :** Chọn câu sai: Trong ngôi trán:
- A.** Khám âm đạo khi cổ tử cung mở sờ thấy được thóp trước và gốc mũi **B.** Nên làm thủ thuật để chuyển ngôi trán thành ngôi chòm
C. Nếu ối còn, ngôi cao lỏng nên chờ xem có thể cúi thêm thành ngôi chòm hoặc ngửa thêm thành ngôi mặt **D.** Không bao giờ sờ thấy thóp sau và cảm
- Câu 8 :** Dấu hiệu đặc biệt nhất để chẩn đoán chảy máu sau đẻ do đờ tử cung là:
- A.** Tử cung không có khối cầu an toàn **B.** Huyết áp tuột
C. Cầu bàng quang **D.** Mạch nhanh
- Câu 9 :** Trong chuyển dạ đình trệ nguyên nhân do khung chậu hẹp cần xử trí:
- A.** Giục sanh **B.** Mổ lấy thai
C. Làm nghiệm pháp lọt **D.** Sanh giúp
- Câu 10 :** Giai đoạn I của chuyển dạ là:
- A.** Từ khi nhau sổ đến hết 24 giờ **B.** Từ khi sổ nhau từ khi thai sổ đến khi nhau sổ ngoài
C. Từ khi sổ thai từ khi CTC mở hết đến khi thai sổ **D.** Từ khi cổ tử cung bắt đầu mở đến khi mở trọn
- Câu 11 :** Chọn câu sai: Nguyên nhân sau về phía thai dẫn đến sa dây rốn:
- A.** Thai nhi nhỏ **B.** Thai lưu
C. Thai thiếu tháng **D.** Ngôi bất thường
- Câu 12 :** Dọa vỡ tử cung là một dấu hiệu lâm sàng sắp dẫn tới:
- A.** Vỡ vòi trứng **B.** Vỡ ổ bụng
C. Vỡ buồng trứng **D.** Vỡ tử cung
- Câu 13 :** Tác hại của chuyển dạ kéo dài đối với người mẹ:
- A.** Làm suy kiệt sức khoẻ **B.** Tăng nguy cơ chảy máu sau đẻ
C. Tăng nguy cơ nhiễm khuẩn đường đẻ **D.** Tất cả đều đúng
- Câu 14 :** Gọi là nhịp tim thai suy nhanh khi nhịp tim thai vượt quá:
- A.** 140 lần phút **B.** 130 lần phút
C. 150 lần phút **D.** 160 lần phút
- Câu 15 :** Truyền tĩnh mạch glucose 5% thường bắt đầu với liều:
- A.** 15 giọt/ phút **B.** 10 giọt/ phút
C. 8 giọt/ phút **D.** 30 giọt/ phút

A. Mũi

C. Chòm

B. Miệng

D. Trán

Câu 50 : Chọn trả lời hợp lý nhất:

A. Tường phòng thủ thuật phải được ốp gạch men cao $\geq 1,6m$; trần đảm bảo không thấm nước

C. A và B đúng

B. Trong phòng thủ thuật tốt nhất nên có quạt thông gió

D. A và B sai

Câu 51 : Nguyên nhân gây chảy máu sau đẻ do sót nhau, NGOẠI TRỪ:

A. Do thai to

C. Rối loạn co bóp tử cung

B. Bất thường vị trí nhau bám

D. Sau sinh thai lưu

Câu 52 : Nguyên nhân gây thai suy về phía thai nhi, NGOẠI TRỪ:

A. Thai suy dinh dưỡng

C. Thai dị dạng

B. Thai già tháng

D. Rối loạn cơ co

Câu 53 : Chọn câu đúng:

A. Diễn tiến ngôi ngang trong chuyển dạ cổ tử cung không khi nào mở trọn được

C. Ngôi vai chủ yếu gặp ở người đẻ con so

B. Những nguy hiểm có thể xảy ra trong sanh ngôi mông: kẹt đầu hậu

D. Biến chứng nguy hiểm nhất trong ngôi ngang là: Nhau bong non

Câu 54 : Vỡ tử cung thường xảy ra những tình huống sau, NGOẠI TRỪ:

A. Cuối thời kỳ thai nghén

C. Những tử cung có sẹo mổ cũ

B. Trong chuyển dạ

D. Theo dõi chuyển dạ tốt

Câu 55 : Nguyên nhân gây thai suy về phần phụ của thai, NGOẠI TRỪ:

A. Nhau bong non

C. Bánh nhau xơ hóa

B. Nhau tiền đạo

D. Dùng thuốc tăng co

Câu 56 : Nguyên nhân chảy máu sau đẻ nào sau đây có chỉ định mổ cắt tử cung:

A. Nhau cài răng lược

C. Rách cổ tử cung

B. Đờ tử cung

D. Nhau tiền đạo

Câu 57 : Mục đích xử trí trong chảy máu sau đẻ:

A. Cầm máu, bù thể tích máu mất, hồi sức sản phụ

C. Cầm máu, hồi sức chống choáng, tăng tiết sữa

B. Cầm máu, bồi bổ cơ thể, tăng tiết sữa

D. Hồi sức chống choáng, tăng tiết sữa, nâng thể trạng

Câu 58 : Số nhau là giai đoạn:

A. Thứ 1 của cuộc đẻ

C. Thứ 2 của cuộc đẻ

B. Thứ 4 của cuộc đẻ

D. Thứ 3 của cuộc đẻ

Câu 59 : Trong ngôi trán, khi cổ tử cung mở khám âm đạo sờ được:

A. Cằm

C. Mông

B. Gốc mũi

D. Thóp sau

Câu 60 : Màu sắc nước ối nào sau đây có giá trị tốt khi chuyển dạ:

A. Màu xanh

C. Màu trắng trong hay đục

B. Màu đỏ

D. Màu đỏ hoặc nâu đen

Câu 61 : Kiểu sổ màng hay sổ mặt con còn gọi là:

A. Kiểu sổ Dun can

C. Kiểu sổ tích cực

B. Kiểu sổ thường quy

D. Kiểu sổ Baudelocque

Câu 62 : Chọn câu sai: Nguyên nhân sau về phía mẹ dẫn đến sa dây rốn:

A. Đẻ nhiều lần

C. Khung chậu hẹp

B. Mẹ suy dinh dưỡng

D. Có khối u tiền đạo

Câu 63 : Đánh giá chỉ số Apgar sơ sinh thường ở phút thứ:

A. 5 và 15

C. 1 và 5

B. 5 và 10

D. 10 và 15

Câu 64 : Chọn câu ĐÚNG:

A. Tiêm Lidocain tại chỗ trước khi kiểm soát tử cung

B. Morphin là thuốc tiền mê

- C.** Giục sanh ta dùng oxytocin tiêm tĩnh mạch chậm
- D.** Ergometrin dùng để tiêm cho phụ nữ dọa sẩy thai
- Câu 65 :** Trong ngôi chòm số kiểu chấm vệ đầu thai nhi phải cúi đến khi:
- A.** Bờ dưới xương chẩm tỳ vào khớp vệ
- B.** Chấm bắt đầu số
- C.** Chấm số hết
- D.** Cằm thoát ra khỏi âm hộ
- Câu 66 :** Số giọt dịch truyền lúc đầu để theo dõi chuyển dạ bình thường phải đạt, sau đó điều chỉnh theo y lệnh:
- A.** 30 giọt / phút
- B.** 16 giọt / phút
- C.** 8 giọt / phút
- D.** 20 giọt / phút
- Câu 67 :** Chọn trả lời hợp lý nhất:
- A.** Dụng cụ sau khi đỡ đẻ cho sản phụ có nguy cơ mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục phải cọ rửa ngay bằng bàn chải và xà phòng dưới vòi nước chảy
- B.** Phương pháp lược không diệt được nha bào uốn ván
- C.** A và B đúng
- D.** A và B sai
- Câu 68 :** Chọn trả lời hợp lý nhất:
- A.** Đối với dụng cụ kim loại tốt nhất là sấy khô
- B.** Tiệt khuẩn dụng cụ thủy tinh bằng hấp ước
- C.** A và B đúng
- D.** A và B sai
- Câu 69 :** Ngay sau sanh khi nhịp tim đạt dưới 100 lần/phút thì:
- A.** Trẻ đạt 3 điểm
- B.** Trẻ đạt 2 điểm
- C.** Trẻ đạt 1 điểm
- D.** Trẻ đạt 4 điểm
- Câu 70 :** Tổng điểm Apgar trẻ sơ sinh đạt 8-10 điểm thì:
- A.** Hồi sức tim và oxy
- B.** Hồi sức thở oxy
- C.** Lau khô, ủ ấm, bú mẹ
- D.** Xoa bóp tim ngoài lồng ngực
- Câu 71 :** Đánh giá chỉ số Sigtuna dựa vào:
- A.** Nhịp thở và màu da
- B.** Nhịp tim và phản xạ
- C.** Nhịp thở và nhịp tim
- D.** Nhịp tim và màu da
- Câu 72 :** Khử khuẩn cao bằng phương pháp ngâm hóa chất phải ngâm dụng cụ trong thời gian:
- A.** 15 phút
- B.** 10 phút
- C.** 20 phút
- D.** 25 phút
- Câu 73 :** Điều kiện để đỡ đẻ đúng lúc là:
- A.** Cổ tử cung mở trọn, thai thập thò âm môn, tầng sinh môn giãn căng
- B.** Thai phụ mót rặn
- C.** Thai phụ đau bụng càng lúc càng nhiều
- D.** Âm môn hé mở
- Câu 74 :** Nghe tim thai khi chuyển dạ nên nghe trong:
- A.** 15 giây
- B.** 45 giây
- C.** 60 giây
- D.** 30 giây
- Câu 75 :** Chọn câu đúng về ối vỡ non:
- A.** Ối vỡ non là ối vỡ trước khi có chuyển dạ Sau 1 giờ vỡ ối chuyển dạ vẫn chưa tự khởi phát
- B.** Thời gian từ lúc ối vỡ đến khi bắt đầu có chuyển dạ càng ngắn nếu thai kỳ càng non tháng
- C.** Ối vỡ non là ối vỡ khi chuyển dạ ở giai đoạn tiềm thời
- D.** Ối vỡ non chỉ ảnh hưởng đến tiên lượng con, không ảnh hưởng đến tiên lượng mẹ
- Câu 76 :** Trong ngôi chòm kiểu số chấm vệ, đầu số theo nguyên tắc:
- A.** Chấm trước, trán sau
- B.** Trán trước chấm sau
- C.** Chấm trán cùng số
- D.** Cằm số ra trước
- Câu 77 :** Trên lâm sàng, dấu hiệu nào sau đây giúp chẩn đoán não úng thủy:
- A.** Khám âm đạo thấy các thóp và các đường thóp giãn rộng
- B.** Bề cao tử cung lớn hơn bình thường
- C.** Khám âm đạo thấy xương sọ mềm
- D.** Ngôi bất thường
- Câu 78 :** Xử trí các trường hợp đẻ khó do khung chậu hẹp, NGOẠI TRỪ:
- A.** Chủ động mổ bắt con các trường hợp khung chậu hẹp về giải phẫu
- B.** Làm nghiệm pháp lọt nếu thất bại mổ bắt con

- C.** Cho sanh ngã âm đạo trường hợp khung chậu bình thường
- Câu 79 :** Sa dây rốn khi ối đã vỡ việc làm đầu tiên là:
- A.** Tiêm thuốc giảm co
- C.** Mổ cấp cứu ngay
- D.** Tất cả đều được để ở các bệnh viện có khả năng mổ bắt con
- B.** Xác định thai còn sống hay không? (xác định xem dây rốn còn đập hay không, đồng thời nghe tim thai trên bụng mẹ)
- D.** Cho thai phụ nằm đầu thấp mông cao, đẩy dây rốn lên trên
- Câu 80 :** Mũi chỉ đầu tiên để khâu lớp niêm mạc âm đạo là mũi:
- A.** Vất
- C.** Chữ X
- B.** Luồn
- D.** Rời
- Câu 81 :** Thời điểm cắt tầng sinh môn:
- A.** Khi chấm thập thò âm hộ, tầng sinh môn giãn căng
- C.** Khi thai bắt đầu sổ
- B.** Khi hạ chấm tì dưới khớp vệ
- D.** Khi chuẩn bị sổ vai
- Câu 82 :** Trong chuyển dạ đình trệ tại tuyến xã cần xử trí:
- A.** Can thiệp thủ thuật ngay
- C.** Tiếp tục theo dõi
- B.** Chuyển tuyến trên xử trí
- D.** Giục sanh
- Câu 83 :** Cần chuyển tuyến khi ối vỡ trên:
- A.** 3 giờ
- C.** 9 giờ
- B.** 6 giờ
- D.** 12 giờ
- Câu 84 :** Nguyên nhân gây thai suy về phía mẹ, NGOẠI TRỪ
- A.** Rối loạn cơ co tử cung
- C.** Bệnh lý lao phổi
- B.** Bệnh thiếu máu
- D.** Dùng thuốc tăng co không đúng chỉ định
- Câu 85 :** Chọn câu sai: Hậu quả của sa dây rốn:
- A.** Sa dây rốn trong trường hợp ngôi đầu hậu quả cho thai rất nguy hiểm
- C.** Sa dây rốn nếu không được phát hiện và giải quyết kịp thời thai nhi sẽ bị ngạt và chết
- B.** Dây rốn sa có nguy cơ làm nhau bong non
- D.** Dây rốn sa sẽ bị khô do không còn nước ối bao bọc
- Câu 86 :** Trong ngôi chỏm để xác định đầu thai nhi có lọt được hay không dựa vào đường kính:
- A.** Lưỡng đỉnh
- C.** Chẩm cằm
- B.** Chẩm trán
- D.** Thượng chẩm cằm
- Câu 87 :** Chọn câu SAI về nguyên nhân của vỡ ối non:
- A.** Nhau cài răng lược
- C.** Ngôi thai bất thường
- B.** Đa ối
- D.** Hở eo tử cung
- Câu 88 :** Trong sa dây rốn dự hậu cho thai xấu nhất trong trường hợp nào?
- A.** Sa dây rốn kèm sa chi
- C.** Ngôi mông
- B.** Ngôi đầu
- D.** Ngôi ngang
- Câu 89 :** Chọn câu sai: Nguyên nhân sau dẫn đến sa dây rốn:
- A.** Khung chậu hẹp
- C.** Ngôi mông
- B.** Mẹ mắc bệnh mãn tính
- D.** Mẹ sanh nhiều lần
- Câu 90 :** Chọn câu đúng:
- A.** Thông báo cho sản phụ về các chi phí của cuộc đẻ
- C.** Khi có những lý do bất thường cần sự can thiệp trong lúc sinh chỉ cần Bác sĩ ra y lệnh thực hiện không nên thông báo cho sản phụ và gia đình sẽ làm cho họ lo lắng thêm
- B.** Thông báo cho sản phụ và gia đình về các tai biến sẽ xảy ra và đưa ra chỉ định chuyên môn ép buộc gia đình và sản phụ chấp nhận
- D.** Khi có gì khó khăn, bất thường cũng cần thông báo cho sản phụ và gia đình biết để an tâm và tin ở cách thức chăm sóc, xử trí của cán bộ y tế
- Câu 91 :** Trong ngôi chỏm kiểu thể chẩm chậu trái trước, sau khi đẻ đầu, đầu thai nhi phải quay kim đồng hồ để trở về vị trí trái trước.
- A.** 45° cùng chiều
- C.** 135° cùng chiều
- B.** 45° ngược chiều
- D.** 135° ngược chiều

- Câu 109 :** Trong ngôi chòm kiểu thể chằm chậu trái trước, tất cả những điều sau đều đúng, NGOẠI TRỪ:
- A.** Thường sổ theo kiểu chằm cùng **B.** Đầu thai sẽ xoay 45° ngược chiều kim đồng hồ trước khi sổ
- C.** Đường kính lưỡng đỉnh của thai nhi sẽ lọt theo đường kính chéo trái của khung chậu mẹ **D.** Là loại ngôi thường gặp nhất
- Câu 110 :** Chọn câu sai: Đặc tính cơ co tử cung:
- A.** Có thể điều khiển được **B.** Tăng dần
- C.** Gây đau **D.** Nhịp nhàng
- Câu 111 :** Ngôi trán là ngôi trung gian giữa:
- A.** Ngôi mặt và ngôi mông **B.** Ngôi chòm và ngôi mặt
- C.** Ngôi chòm và ngôi mông **D.** Ngôi mông và ngôi ngang
- Câu 112 :** Chọn câu sai: Chẩn đoán sa dây rốn:
- A.** Thấy dây rốn sa ra ngoài âm hộ **B.** Tim thai suy
- C.** Thăm âm đạo sờ thấy dây rốn **D.** Sờ thấy dây rốn bên cạnh ngôi qua màng ối chưa vỡ
- Câu 113 :** Chọn trả lời hợp lý nhất:
- A.** Tiệt khuẩn là quá trình tiêu diệt tất cả các vi khuẩn kể cả nha bào **B.** Phương pháp ngâm hoá trong 1 giờ sẽ tiêu diệt được nha bào uốn ván
- C.** A và B đúng **D.** A và B sai
- Câu 114 :** Trong trường hợp nghi ngờ sót nhau cần:
- A.** Kiểm soát lòng tử cung bằng tay **B.** Theo dõi tình trạng chảy máu sản phụ sau sanh
- C.** Kiểm soát tử cung bằng dụng cụ **D.** Kiểm soát lại bánh nhau
- Câu 115 :** Trong ngôi trán khám âm đạo khi cổ tử cung mở sờ được:
- A.** Góc mũi và cằm **B.** Thóp trước, góc mũi
- C.** Thóp sau và cằm **D.** Thóp trước, thóp sau
- Câu 116 :** Chọn câu sai: Tác dụng của cơ co trên thai và phần phụ của thai:
- A.** Gây vỡ ối **B.** Hiện tượng uốn khuôn
- C.** Thành lập bứu huyết thanh **D.** Thành lập đầu ối
- Câu 117 :** Hậu quả của đẻ khó do khung chậu thường gây, NGOẠI TRỪ:
- A.** Dò bàng quang – âm đạo **B.** Thai suy, chấn thương thai do đẻ khó hoặc do chuyển dạ lâu
- C.** Cuộc đẻ, thường sanh ngã âm đạo **D.** Rách cổ tử cung, âm đạo
- Câu 118 :** Nguyên nhân vỡ tử cung do can thiệp, NGOẠI TRỪ:
- A.** Do làm thủ thuật không đủ điều kiện **B.** Do đẩy bụng thô bạo
- C.** Do xử dụng thuốc không đúng cách **D.** Do đỡ đẻ đúng kỹ thuật
- Câu 119 :** Dấu hiệu chính xác để chẩn đoán ngôi trán khi có chuyển dạ:
- A.** Tử cung hình trứng **B.** Khám âm đạo khi cổ tử cung mở, sờ được góc mũi
- C.** Sờ cực dưới là đầu **D.** Nghe tim thai ở dưới rốn
- Câu 120 :** Lợi ích của việc sổ nhau tích cực, NGOẠI TRỪ:
- A.** Giảm được tỷ lệ kiểm soát tử cung **B.** Giảm số lượng máu mất khi sổ nhau
- C.** Rút ngắn thời gian sổ nhau **D.** Không bao giờ gây sót nhau
- Câu 121 :** Các biện pháp đề phòng chảy máu sau sanh, NGOẠI TRỪ:
- A.** Cần ăn uống hạn chế để con không to lắm để sanh **B.** Đỡ đẻ đúng kỹ thuật
- C.** Thực hiện sinh đẻ có kế hoạch **D.** Sử dụng thuốc tăng co đúng chỉ định, đủ điều kiện, đúng liều lượng
- Câu 122 :** Tiệt khuẩn bằng phương pháp ngâm hóa chất phải ngâm dụng cụ trong thời gian:
- A.** 10 phút **B.** 10 giờ
- C.** 20 giờ **D.** 20 phút
- Câu 123 :** Biến chứng xảy ra cho mẹ do thai to toàn phần khi sanh ngã âm đạo, NGOẠI TRỪ:
- A.** Suy tim **B.** Vỡ tử cung

- C. Đờ tử cung**
- Câu 124 :** Cần cho sản phụ uống kháng sinh khi ối đã vỡ:
- A. 12 giờ**
C. 18 giờ
- Câu 125 :** Những dấu hiệu chuyển dạ giả, NGOẠI TRỪ:
- A. Cổ tử cung hầu như không tiến triển sau một thời gian chuyển dạ**
C. Đầu ối chưa thành lập
- Câu 126 :** Ngôi trán là ngôi mà đầu:
- A. Cúi hoàn toàn**
C. Ngửa hoàn toàn
- Câu 127 :** Các nguyên nhân dẫn đến đẻ khó do ối:
- A. Đa ối**
C. Vỡ ối non, vỡ ối sớm
- Câu 128 :** Xử trí các trường hợp đẻ khó do thai to toàn phần, NGOẠI TRỪ
- A. Làm nghiệm pháp lọt nếu thấy có khả năng đẻ đường dưới**
C. Nên mổ đối với người có tiền sử con có di chứng sản khoa
- Câu 129 :** Ngay sau sanh màu da trẻ tím đầu chi, quanh môi thì:
- A. Trẻ đạt 4 điểm**
C. Trẻ đạt 1 điểm
- Câu 130 :** Xử trí các trường hợp đẻ khó do thai to toàn phần, NGOẠI TRỪ:
- A. Nên mổ đối với người có tiền sử đẻ thai to**
C. Thai dưới 3kg và mẹ có tiền sử đẻ thường
- Câu 131 :** Liều bình thường để tiêm dung dịch Lidocaiin trong cắt may tầng sinh môn là:
- A. 2ml**
C. 4ml
- Câu 132 :** Trong ngôi thóp trước, khi chuyển dạ khám âm đạo sẽ sờ được:
- A. Chòm**
C. Thóp sau
- Câu 133 :** Trong ngôi chòm, kiểu thế chằm chạu trái trước khi qua eo dưới trước khi sổ đầu thai nhi phải xoay kim đồng hồ để về kiểu sổ chằm vệ
- A. 45° ngược chiều**
C. 135° ngược chiều
- Câu 134 :** Có 2 yếu tố dẫn đến chuyển dạ đình trệ:
- A. Về phía thai**
C. A và B đều đúng
- Câu 135 :** Chữ B trong nguyên tắc hồi sức sơ sinh ABCD là:
- A. Thông đường hô hấp**
C. Hỗ trợ hô hấp
- Câu 136 :** Xử trí dọa vỡ tử cung:
- A. Tiêm kháng sinh**
C. Tiêm thuốc giảm co
- Câu 137 :** Hút dịch sơ sinh bằng ống hút qua miệng sơ sinh khoảng:
- A. 3cm**
C. 5cm
- Câu 138 :** Nguyên nhân gây thai suy về phía mẹ, NGOẠI TRỪ:
- A. Rối loạn cơ co tử cung**
C. Bệnh thiếu máu
- D. Băng huyết sau sanh**
- B. 6 giờ**
D. 24 giờ
- B. Cơ co tử cung thất thường không tiến triển tăng dần**
D. Xóa mờ cổ tử cung, cổ tử cung mở rộng dần theo quá trình chuyển dạ
- B. Ngửa không hoàn toàn**
D. Ngửa nhẹ
- B. Thiếu ối**
D. Tất cả đều đúng
- B. Làm nghiệm pháp lọt, thực hiện cơ sở có phòng mổ**
D. Thai dưới 3kg và mẹ có tiền sử đẻ thường
- B. Trẻ đạt 2 điểm**
D. Trẻ đạt 3 điểm
- B. Làm nghiệm pháp lọt nếu thấy có khả năng đẻ đường dưới**
D. Làm nghiệm pháp lọt, thực hiện cơ sở có phòng mổ
- B. 3ml**
D. 1ml
- B. Thóp trước ở giữa diện mở của cổ tử cung**
D. Cằm
- B. 45° cùng chiều**
D. 135° cùng chiều
- B. Về phía mẹ**
D. A và B đều sai
- B. Bảo đảm tuần hoàn có hiệu quả**
D. Sử dụng các thuốc cần thiết
- B. Tiêm thuốc giảm đau**
D. Mổ lấy thai
- B. 4cm**
D. 6cm
- B. Bệnh lý suy tim**
D. Ối vỡ non hay vỡ sớm

- Câu 139 :** Vỡ tử cung thường xảy ra vào thời điểm khi thai được:
- A.** trong thai kỳ **B.** 3 tháng đầu
C. trong khi chuyển dạ **D.** 3 tháng cuối
- Câu 140 :** Hiện tượng lọt trong ngôi chỏm được định nghĩa là:
- A.** Khi đường kính lưỡng đỉnh của đầu thai nhi đã đi qua được mặt phẳng của eo trên **B.** Khi ngôi thai đi ngang qua eo trên
C. Khi ngôi thai xuống ngang 2 gai hông **D.** Khi đường kính lọt của ngôi đã ở ngang 2 gai hông
- Câu 141 :** Tệt khuẩn bằng phương pháp sấy khô khi dùng nhiệt độ 170°C thời gian cần thiết là:
- A.** 30 phút **B.** 60 phút
C. 90 phút **D.** 120 phút
- Câu 142 :** Nguyên nhân dễ khó do thai to, NGOẠI TRỪ:
- A.** Người mẹ bị đái tháo đường **B.** Thai già tháng
C. Yếu tố từ bố mẹ **D.** Thai 3kg
- Câu 143 :** Các thao tác hồi sức gồm, NGOẠI TRỪ:
- A.** Hỗ trợ hô hấp **B.** Thông đường hô hấp
C. Xoa bóp tim ngoài lồng ngực **D.** Cho bú mẹ ngay
- Câu 144 :** Thời gian rặn tối đa khi thai sổ ở sản phụ sanh con rạ và con so lần lượt là:
- A.** 30 phút – 60 phút **B.** 90 phút – 120 phút
C. 60 phút – 90 phút **D.** 10 phút – 30 phút
- Câu 145 :** Lidocain dùng để gây tê trong cắt tầng sinh môn có hàm lượng là:
- A.** 3ml **B.** 1ml
C. 2ml **D.** 4ml
- Câu 146 :** Dự phòng tất cả các trường hợp chuyển dạ kéo dài/ đình trệ, người cán bộ y tế cần:
- A.** Quản lý thai nghén, phát hiện nguy cơ **B.** Người có tiền sử đẻ khó
C. Người có chiều cao tử cung trên 34cm **D.** Tất cả đều đúng
- Câu 147 :** Nguyên nhân vỡ tử cung về phía mẹ, NGOẠI TRỪ:
- A.** Khung chậu hẹp hay bất thường **B.** Do khối u tiền đạo
C. Do tử cung bị tổn thương **D.** Ngôi mônng kẹt đầu hậu
- Câu 148 :** Những điều cần thiết khi hồi sức, NGOẠI TRỪ:
- A.** Hút nhớt sạch **B.** Bảo đảm tuần hoàn
C. Giúp thở hiệu quả **D.** Không cần mở đèn sưởi khi hồi sức
- Câu 149 :** Dự phòng vỡ tử cung bằng cách, NGOẠI TRỪ:
- A.** Theo dõi chuyển dạ cẩn thận **B.** Khi có thai khám thai định kỳ
C. Đỡ đẻ đúng phương pháp, tuyệt đối không được thô bạo **D.** Đỡ đẻ theo yêu cầu người bệnh, khi chưa đủ điều kiện
- Câu 150 :** Trường hợp ngôi đầu, sờ thấy cảm ở vị trí 6h, được chẩn đoán là:
- A.** Cằm chậu trái ngang **B.** Ngôi mặt, Cằm cùng
C. Ngôi mặt, cằm vệ **D.** Cằm chậu phải ngang
- Câu 151 :** Đường kính lọt của ngôi trán là:
- A.** Hạ cằm-thóp trước **B.** Thượng chẩm- cằm
C. Hạ chẩm- thóp trước **D.** Chẩm –trán
- Câu 152 :** Trong các nguyên nhân gây chảy máu sau đẻ, nguyên nhân thường gặp nhất là:
- A.** Sốt nhau **B.** Sang chấn đường sinh dục
C. Rối loạn đông máu **D.** Đờ tử cung
- Câu 153 :** Dấu hiệu đặc biệt nhất để chẩn đoán chảy máu sau đẻ do sốt nhau là:
- A.** Kiểm tra tử cung thấy thiếu máu **B.** Huyết áp tuột
C. Mạch nhanh **D.** Tử cung không có khối cầu an toàn
- Câu 154 :** Lượng oxytocin được pha trong dung dịch glucose 5% khi chuyển dạ:
- A.** 3 đơn vị **B.** 7 đơn vị
C. 5 đơn vị **D.** 9 đơn vị
- Câu 155 :** Biến chứng xảy ra cho mẹ do thai to toàn phần khi sanh ngã âm đạo, NGOẠI TRỪ:
- A.** Suy tim **B.** Băng huyết sau sanh

- C.** Đờ tử cung **D.** Võ tử cung
- Câu 156 :** Khi khám âm đạo sờ được thóp sau ở vị trí 12 giờ ta chẩn đoán thai sổ kiểu:
A. Chấm vệ **B.** Chấm cùng
C. Cùng cùng **D.** Cùng vệ
- Câu 157 :** Chữ C trong nguyên tắc hồi sức sơ sinh ABCD là:
A. Thông đường hô hấp **B.** Hỗ trợ hô hấp
C. Bảo đảm tuần hoàn có hiệu quả **D.** Sử dụng các thuốc cần thiết
- Câu 158 :** Khi chuyển dạ ở người con rạ có hiện tượng:
A. Xóa trước, mở sau **B.** Cổ tử cung mềm
C. Vừa xóa, vừa mở **D.** Cổ tử cung căng phồng
- Câu 159 :** Ngôi mônng được xếp vào ngôi thai có nguy cơ cao, cần được tăng số lần khám thai trong của thai kỳ:
A. Lúc mới mang thai **B.** 3 tháng cuối
C. 3 tháng đầu **D.** 3 tháng giữa
- Câu 160 :** Xử trí các trường hợp đẻ khó do thai to toàn phần, NGOẠI TRỪ:
A. Làm nghiệm pháp lọt nếu thấy có khả năng đẻ đường dưới **B.** Làm nghiệm pháp lọt, thực hiện cơ sở có phòng mổ
C. Nên mổ đối với người có tiền sử con chết **D.** Thai dưới 3kg và mẹ có tiền sử đẻ thường
- Câu 161 :** Tác hại của chuyển dạ kéo dài đối với con:
A. Tỷ lệ chết chu sinh cao gấp đôi nếu chuyển dạ trên 24 giờ **B.** Chết do viêm phổi
C. Do sang chấn sau đẻ can thiệp **D.** Tất cả đều đúng
- Câu 162 :** Nguyên nhân dẫn tới ối vỡ non:
A. Nhau bám thấp **B.** Nhau vôi hóa
C. Nhau bong non **D.** Nhau cài răng lược
- Câu 163 :** Chọn trả lời hợp lý nhất:
A. Đối với phòng thủ thuật trong sản khoa nên dùng quạt trần để thoáng mát **B.** Phòng thủ thuật trong sản khoa phải có nơi rửa tay, nên có hệ thống thoát nước
C. A và B đúng **D.** A và B sai
- Câu 164 :** Tổng điểm Apgar trẻ sơ sinh đạt 4-7 điểm thì:
A. Lau khô, ủ ấm, bú mẹ **B.** Xoa bóp tim ngoài lồng ngực
C. Cần hồi sức thở **D.** Hồi sức tim và oxy
- Câu 165 :** Yếu tố dẫn đến chuyển dạ kéo dài về phía mẹ:
A. Khung xương hẹp toàn diện **B.** U tiền đạo
C. U xơ tử cung ở vị trí tiền đạo **D.** Tất cả đều đúng
- Câu 166 :** Thuốc giảm co thường dùng trong sản khoa là:
A. Nifedipin, Aldomet **B.** Spasmaverin, salbutamol
C. Dolargan, Gentamycin **D.** Atropin, Morphin
- Câu 167 :** Nguyên nhân gây chảy máu sau đẻ do đờ tử cung, NGOẠI TRỪ:
A. Đỡ đẻ không đúng kỹ thuật **B.** Chuyển dạ kéo dài
C. Sử dụng thuốc tăng co không đúng chỉ định **D.** Thai to > 4000g
- Câu 168 :** Nguyên nhân vỡ tử cung về phía con, NGOẠI TRỪ:
A. Thai to, bất xứng đầu chậu **B.** Ngôi mônng kẹt đầu hậu
C. Ngôi thai bất thường **D.** Khung chậu hẹp hay bất thường
- Câu 169 :** Xử trí trong trường hợp đẻ khó do thai to từng phần não bụng cóc, NGOẠI TRỪ:
A. Bụng to có thể u ở lách nhưng chủ yếu là do cổ trướng **B.** Bụng to có thể u ở gan
C. Ngôi chỏm đầu cúi tốt, tiên lượng sanh ngã âm đạo **D.** Nếu phát hiện sớm thì đình chỉ thai
- Câu 170 :** Ngôi mặt khi khám âm đạo có thể nhầm với ngôi:
A. Ngôi ngang **B.** Ngôi mônng thiếu
C. Chỏm **D.** Ngôi mônng đủ
- Câu 171 :** Trong chuyển dạ có thể tạo cơn co tử cung bằng cách:

- A.** Nằm nghỉ tuyệt đối tại giường
B. Truyền glucose
C. Kích thích núm vú
D. Xoa cột sống lưng
- Câu 172 :** Các nguyên nhân sau dẫn đến sa dây rốn, NGOẠI TRỪ:
A. Dây rốn dài bất thường
B. Nhau tiền đạo trung tâm
C. Ngôi bất thường
D. Mẹ sanh nhiều lần
- Câu 173 :** Khâu lớp cơ tầng sinh môn bằng:
A. Bất kỳ loại chỉ nào chắc
B. Chỉ không tiêu
C. Chỉ tiêu
D. Chỉ tiêu hoặc không tiêu
- Câu 174 :** Thuốc ưu tiên sử dụng trong xử trí đờ tử cung sau sanh:
A. Oxytocin
B. Salbutamol
C. Seduxen
D. Spasmaverin
- Câu 175 :** Những nguy cơ cần tránh khi hồi sức sơ sinh, NGOẠI TRỪ:
A. Tránh nhiễm trùng
B. Tránh bị lạnh
C. Đảm bảo đủ ấm
D. Tránh sang chấn
- Câu 176 :** Trong ngôi chỏm kiểu thể chằm chậ trái trước, đầu thai nhi lọt theo đường kính chéo trái thì vai lọt theo đường kính nào?
A. Chéo Phải
B. Trước sau
C. Ngang
D. Chéo trái
- Câu 177 :** Chọn trả lời hợp lý nhất:
A. Sấy khô chủ yếu dùng cho đồ vải
B. Tiệt khuẩn dụng cụ bằng cách ngâm vào nước hóa chất 1 giờ
C. A và B đúng
D. A và B sai
- Câu 178 :** Những dấu hiệu chuyển dạ thật, NGOẠI TRỪ:
A. Đau bụng từng cơn, tăng dần
B. Xóa mờ cổ tử cung, Cổ tử cung mở rộng dần theo quá trình chuyển dạ
C. Thành lập đầu ối
D. Cổ tử cung hầu như không tiến triển sau một thời gian chuyển dạ
- Câu 179 :** Chọn trả lời hợp lý nhất:
A. Khử khuẩn cao là quá trình tiêu diệt hết các vi khuẩn kể cả nha bào
B. Thuốc tiệt khuẩn nồng độ càng cao càng tốt khi dùng ngâm dụng cụ
C. A và B đúng
D. A và B sai
- Câu 180 :** Lượng nước ối bình thường ở thai đủ tháng là:
A. 500-1000ml
B. 200-300ml
C. 300-500ml
D. 1000-2000ml
- Câu 181 :** Trong ngôi trán không bao giờ sờ được:
A. Gốc mũi và cằm
B. Thóp sau và cằm
C. Thóp trước, thóp sau
D. Thóp trước, gốc mũi
- Câu 182 :** Xử trí trong trường hợp sa dây rốn còn trong bọc ối:
A. Can thiệp lấy thai ra ngay
B. Cho thai phụ nằm đầu thấp, mông cao, không rặn để bảo vệ ối khỏi vỡ, mổ lấy thai ngay nếu tiên long thai có thể sống được
C. Phá ối cố gắng đẩy dây rốn lên
D. Cần theo dõi tim thai chặt chẽ
- Câu 183 :** Thời gian sử dụng dụng cụ sản khoa được tiệt khuẩn trong:
A. 5 ngày
B. 7 ngày
C. 3 ngày
D. 10 ngày
- Câu 184 :** Những động tác cần làm trước khi hồi sức sơ sinh, NGOẠI TRỪ:
A. Trang phục chỉnh tề
B. Chuẩn bị dụng cụ hồi sức
C. Bật đèn sưởi bàn hồi sức
D. Truyền Moriamin để bé có năng lượng
- Câu 185 :** Chữ D trong nguyên tắc hồi sức sơ sinh ABCD là:
A. Bảo đảm tuần hoàn có hiệu quả
B. Hỗ trợ hô hấp
C. Sử dụng các thuốc cần thiết
D. Thông đường hô hấp
- Câu 186 :** Sau sanh máu chảy đỏ tươi, rỉ rả mặc dù tử cung co hồi tốt, nguyên nhân nào thường được nghĩ đến:

- A.** Đờ tử cung
C. Sốt nhau
- B.** Lộn tử cung
D. Sang chấn đường sinh dục
- Câu 187 :** Khâu niêm mạc âm đạo bằng:
A. Chỉ không tiêu
C. Chỉ tiêu
B. Bất kỳ loại chỉ nào chắc
D. Chỉ tiêu hoặc không tiêu
- Câu 188 :** Chuyển dạ đình trệ làm sơ sinh có nguy cơ:
A. Tăng tỷ lệ suy thai
C. Chết thai
B. Ngạt thai
D. Tất cả đều đúng
- Câu 189 :** Sử dụng biểu đồ chuyển dạ để theo dõi chuyển dạ và phát hiện chuyển dạ đình trệ khi pha tiềm tàng quá:
A. 9 giờ
C. 7 giờ
B. 8 giờ
D. 6 giờ
- Câu 190 :** Nếu điểm mốc của ngôi là gốc mũi thì đây là loại ngôi:
A. Ngôi đầu, đầu cúi thật tốt
C. Ngôi ngược
B. Ngôi đầu, đầu không cúi cũng không ngửa
D. Ngôi đầu, đầu ngửa thật tốt
- Câu 191 :** Tiệt khuẩn bằng phương pháp sấy khô khi dùng nhiệt độ 160°C thời gian cần thiết là:
A. 90 phút
C. 60 phút
B. 120 phút
D. 180 phút
- Câu 192 :** Tiệt khuẩn bằng phương pháp hấp ước cho dụng cụ đã được gói trong khăn, nhiệt độ 121°C và áp suất là 1,5 kg/cm², cần thời gian là:
A. 40 phút
C. 20 phút
B. 30 phút
D. 10 phút
- Câu 193 :** Tổng điểm Apgar trẻ sơ sinh đạt 0-3 điểm thì:
A. Lau khô, ủ ấm, bú mẹ
C. Hồi sức tim và cần hồi sức thở
B. Hồi sức thở oxy
D. Xoa bóp tim ngoài lồng ngực
- Câu 194 :** Các kiểu sổ nhau gồm:
A. Sổ tự động
C. Sổ nhân tạo
B. Sổ tự nhiên
D. Tất cả 3 ý trên đều đúng
- Câu 195 :** Trong ngôi mặt có thể đẻ được ngã âm đạo ở kiểu thế:
A. Cằm chậu phải sau
C. Cằm cùng
B. Cằm vệ
D. Cằm chậu trái trước
- Câu 196 :** Xử trí đầu tiên khi chảy máu sau đẻ do đờ tử cung không do sót nhau:
A. Xoa tử cung qua thành bụng
C. Đo mạch, huyết áp
B. Kiểm soát tử cung
D. Tiêm bắp 10 đơn vị Oxytocin
- Câu 197 :** Chọn trả lời hợp lý nhất:
A. Trong trường hợp khẩn cấp ta có thể dùng nước sôi ở phích đổ ra để ngâm dụng cụ trong 20 phút
C. A và B đúng
B. Khi làm thủ thuật sản khoa điều quan trọng nhất là giữ đôi bàn tay sạch
D. A và B sai
- Câu 198 :** Ở tuyến có điều kiện phẫu thuật, Oxytocin dùng trong trường hợp nào:
A. Thai ngoài tử cung
C. Nhau tiền đạo
B. Chuyển dạ sanh mà cơn co yếu
D. Dọa sẩy thai
- Câu 199 :** Khâu lớp da tầng sinh môn bằng:
A. Chỉ tiêu
C. Chỉ không tiêu
B. Chỉ tiêu hoặc không tiêu
D. Bất kỳ loại chỉ nào chắc
- Câu 200 :** Chọn câu ĐÚNG khi tư vấn cho sản phụ và gia đình:
A. Thông báo cho tất cả mọi người cùng biết trong trường hợp bé tử vong
C. Thông báo cho sản phụ về các chi phí của cuộc đẻ
B. Thông báo cho tất cả mọi người cùng biết khi sản phụ bị nhiễm HIV
D. Trong trường hợp bé tử vong: An ủi sản phụ và gia đình trước sự mất mát đó
- Câu 201 :** Nguyên nhân sa dây rốn:
A. Nhau bong non
C. Nhau cài răng lược
B. Nhau tiền đạo
D. Nhau tiền đạo trung tâm

Câu 202 : Cuối giai đoạn đẻ đầu là sau khi

- A.** Cầm thoát ra khỏi âm hộ
- B.** Mũi sổ
- C.** Trán sổ
- D.** Chẩm sổ

Câu 203 : Trong quá trình sản phụ được theo dõi chờ sinh, cần tư vấn cho sản phụ các thông tin sau, NGOẠI TRỪ:

- A.** Thông tin về cuộc đẻ và tình trạng sơ sinh
- B.** Hướng dẫn sản phụ biết cách rặn đẻ, thở đều và cách thở ra khi không được rặn nữa...
- C.** Khi có gì khó khăn, bất thường cũng cần thông báo cho sản phụ và gia đình biết để an tâm và tin ở cách thức chăm sóc, xử trí của cán bộ y tế
- D.** Thông báo cho sản phụ về các chi phí của cuộc đẻ

Câu 204 : Biến chứng nào sau đây KHÔNG PHẢI trực tiếp do đa ối:

- A.** Nhau tiền đạo
- B.** Chuyển dạ kéo dài
- C.** Sa dây rốn
- D.** Vỡ ối non

Câu 205 : Trong ngôi chỏm sổ kiểu chẩm cùng, phần thai sổ ra đầu tiên sẽ là:

- A.** Trán
- B.** Chẩm
- C.** Miệng
- D.** Mặt

Câu 206 : Yếu tố dẫn đến chuyển dạ kéo dài về phía thai:

- A.** Thai to từng phần
- B.** Các ngôi bất thường có đường kính ngôi lớn
- C.** Dây rốn ngắn
- D.** Tất cả đều đúng

Câu 207 : Triệu chứng sớm nhất ở suy thai khi chuyển dạ là:

- A.** Soi ối thấy nước ối màu xanh
- B.** Thai cử động yếu
- C.** Nhịp tim thai thay đổi
- D.** Trọng lượng thai giảm

Câu 208 : Khi khám âm đạo ta thấy ối vỡ nước ối màu xanh phân su biểu diễn trên biểu đồ bằng:

- A.** Chữ D
- B.** Chữ M
- C.** Chữ X
- D.** Chữ T

Câu 209 : Đối với dụng cụ bằng kim loại tốt nhất là:

- A.** Ngâm hóa chất
- B.** Sấy khô
- C.** Hấp ướt
- D.** Luộc

Câu 210 : Đa ối là lượng nước ối:

- A.** Trên 500ml
- B.** Trên 1000ml
- C.** Trên 1500ml
- D.** Trên 2000ml

Câu 211 : Chảy máu sau đẻ được định nghĩa là:

- A.** Máu mất từ 500ml trở lên trong vòng 24 giờ đầu sau sanh
- B.** Máu mất từ 500ml trở lên bất kể nguồn gốc chảy từ đâu
- C.** Không có định nghĩa chính xác vì tùy theo sự chịu đựng của từng sản phụ đối với lượng máu mất
- D.** Máu mất từ 500ml trở lên từ nơi nhau bám trong vòng 2 giờ đầu sau sanh

Câu 212 : Trong các trường hợp sau, trường hợp nào có nguy cơ sa dây rốn cao nhất:

- A.** Thiếu ối
- B.** Đa ối
- C.** Thai già tháng
- D.** Thai to >4000g

Câu 213 : Trong chuyển dạ, theo dõi biểu đồ chuyển dạ, đường mở cổ tử cung ở bên phải đường báo động ta xử trí:

- A.** Chuyển tuyến trên
- B.** Báo bác sĩ để có hướng xử trí
- C.** Tiếp tục theo dõi
- D.** Tự ý xử trí

Câu 214 : Nguyên nhân về phía phần phụ dẫn đến sa dây rốn, NGOẠI TRỪ:

- A.** Dây rốn quá dài
- B.** Dây rốn quá ngắn
- C.** Đa ối
- D.** Nhau bám thấp

Câu 215 : Phát hiện sa dây rốn, tim thai còn đập, điều nào sau đây quan trọng nhất trong khi chờ đợi mổ lấy thai?

- A.** Cho thuốc giảm co
- B.** Cho thai phụ nằm đầu thấp, một người cho tay vào âm đạo đẩy ngôi thai lên
- C.** Cố gắng đẩy dây rốn lên
- D.** Cho mẹ thở oxy

Câu 216 : Ngôi thóp trước là ngôi trung gian giữa:

A. Ngôi chỏm và ngôi mặt

C. Ngôi trán và ngôi mặt

B. Ngôi chỏm và ngôi trán

D. Ngôi chỏm và ngôi mông

Câu 217 : Biến chứng rối loạn đông máu ít được nghĩ đến trong bệnh lý nào sau đây:

A. Thai ngoài tử cung

C. Phá thai nhiễm trùng

B. Thai lưu

D. Nhau bong non

Câu 218 : Ngôi mông là ngôi duy nhất có thể chẩn đoán bằng cách:

A. Nắn bụng

C. Siêu âm

B. Hỏi

D. Khám âm đạo

Câu 219 : Chọn câu sai: Trong ngôi mông:

A. Nắn bụng cực trên của thai ở đáy tử cung là đầu thai nhi

C. Khám âm đạo khi ối vỡ sẽ sờ được đỉnh xương cùng

B. Ngôi mông đủ là ngôi chỉ có hoặc mông hoặc chân thai nhi

D. Cực dưới của thai ở đoạn dưới tử cung là mông

Câu 220 : Việc đầu tiên sau khi sổ đầu là:

A. Hút nhớt

C. Đỡ vai sau

B. Đỡ vai

D. Gỡ dây rốn quấn cổ (nếu có)

Câu 221 : Làm nghiệm pháp bong nhau dùng:

A. Bờ ngón áp út

C. Bờ ngón cái

B. Bờ ngón giữa

D. Bờ ngón út

Câu 222 : Hai loại thuốc tăng co thường dùng là:

A. Ergometrin, buscopan

C. Oxytocin, Atropin

B. Oxytocin, ergometrin

D. Ampicillin, Cephalexin